

Bản án số: 172/2025/HS-PT
Ngày 05 tháng 11 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mai Nam Tiến

Các Thẩm phán: bà Lê Thu Hương, bà Trần Thị Nga

- **Thư ký phiên tòa:** ông Nguyễn Văn Tài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** bà Lê Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 222/2025/TLPT-HS ngày 03 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Ngô Văn C, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2025/HS-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực x - Thanh Hóa.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

Ngô Văn C, sinh ngày 12 tháng 5 năm 1977 tại Thanh Hóa; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: số nhà 26 C, phường H, tỉnh Thanh Hóa; số CCCD: 0150770xxxxx; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Ngọc C1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Nguyễn Thị O và 01 con;

Tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân: năm 2006 Ủy ban nhân dân thành phố T ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, năm 2006 Công an phường Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, năm 2021 Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/12/2024 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Ngoài ra còn có 02 (hai) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 05/12/2024, tại quán nước ở vỉa hè đường X, phường Đ, thành phố T (nay là phường H), tỉnh Thanh Hóa. Do nghiện ma túy nên T và Đ bàn bạc rủ nhau góp tiền mua ma túy heroine để sử dụng. Đ đưa 100.000 đồng cho T, T nói không có tiền vì vậy không đủ tiền mua ma túy, nên Đ nói với T đợi lát nữa C mà đến thì rủ C góp thêm tiền để mua ma túy heroine cùng sử dụng.

Một lúc sau, C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 36B4-xxx.xx đến quán nước thì gặp T và Đ. Đ và T rủ C góp tiền mua ma túy để sử dụng, C đồng ý. Đ và T nói với C là chỉ có 100.000 đồng và bảo C góp thêm tiền mua ma túy về để ba người cùng sử dụng. C đồng ý và nói đưa tiền cho C để C đi mua ma túy thì T đưa lại cho C 100.000 đồng. C cầm 100.000 đồng rồi đưa lại cho T số tiền 30.000 đồng để T đi mua xi lanh và nước cất dùng để sử dụng ma túy. Sau đó Đ điều khiển xe mô tô BKS 36B4-xxx.xx chở T đi đến phố H, phường Đ, thành phố T (nay là phường H), tỉnh Thanh Hóa thì Đ xuống xe và đưa xe mô tô cho T đi mua xi lanh và nước cất. Sau khi mua được xi lanh và nước cất thì T điều khiển xe mô tô quay lại chỗ Đ còn C gọi điện thoại đến số 0382.xxx.xxx của Nguyễn Văn T1, sinh năm 1984, trú tại số nhà 03/xx T, phường P, thành phố T (nay là phường H), tỉnh Thanh Hóa hỏi mua 01 gói ma túy heroine với số tiền 500.000 đồng. T1 đồng ý và hẹn C đến khu vực đường Đại lộ L giao với đường T, phường Đ, thành phố T (nay là phường H), tỉnh Thanh Hóa để giao dịch ma túy. Sau khi C mua được ma túy thì quay về gặp T và Đ và sau đó cả 03 người đi ra khu vực H (phía sau Thư viện tỉnh Thanh Hóa) để sử dụng ma túy.

Tại đây, T đưa cho C 01 xi lanh và 02 lọ nước cất. C bóc gói heroine và đổ vào trong ống xi lanh rồi pha với nước cất. Trong lúc C pha ma túy thì T đưa cho Đ 01 ống xi lanh. C pha xong ma túy rồi trực tiếp chia ma túy từ trong xi lanh của C vào trong xi lanh của T và xi lanh của Đ rồi đưa cho Đ và T cầm. Sau đó cả ba cùng tự sử dụng ma túy trong xi lanh của mình bằng hình thức chích. Sau khi sử dụng ma túy xong T, C và Đ vứt bỏ dụng cụ sử dụng ma túy rồi đi về.

Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên T, C và Đ đã tự nguyện đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Căn cứ lời khai của Ngô Văn C, Cơ quan CSĐT đã triệu tập Nguyễn Văn T1 đến làm việc. T1 không thừa nhận việc đã bán ma túy cho Ngô Văn C. Do lời khai của C và T1 mâu thuẫn nhau, nên Cơ quan CSĐT đã thực hiện việc đối chất giữa C và T1. Tuy nhiên T1 vẫn giữ nguyên lời khai của mình, phủ nhận lời khai của C. T1 khẳng định không bán ma túy cho C, lời khai của C về T1 là hoàn toàn không đúng sự thật. Xét thấy ngoài lời khai của C thì không còn tài liệu khác chứng minh việc T1 đã bán ma túy cho C vào sáng ngày 05/12/2024, nên không có cơ sở để xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn T1 về hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Quá trình khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T1 ở số nhà 03/xx T, phường H, tỉnh Thanh Hóa, thu giữ tại gầm giường trong phòng ngủ của T1 01 gói giấy bên trong có bám dính chất bột màu trắng, 01 ống xi lanh nhựa, 01 mảnh giấy, 01 điện thoại di động Sam Sung và 01 điện thoại di động Oppo. Ngoài ra, đối với số heroine bám dính trong gói giấy thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn T1 (không xác định được khối lượng). T1 khai báo gói giấy chứa heroin trên không phải của T1, T1 không biết là của ai. Do đó không có căn cứ để xử lý Nguyễn Văn T1 về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Kết quả kiểm tra nhanh mẫu nước tiểu của Ngô Văn C, Nguyễn Văn Đ và Lê Kiều T: Dương tính với chất ma túy heroine.

Tại Bản kết luận giám định số 9662/KL-KTHS ngày 13/12/2024 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: “Tìm thấy chất ma túy methadone và các sản phẩm chuyển hóa heroine trong các mẫu nước tiểu ghi thu của Ngô Văn C, Nguyễn Văn Đ và Lê Kiều T”.

Tại Bản kết luận giám định số 22/KL-KTHS ngày 17/12/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: “Qua giám định chất bột màu trắng bám dính trên mảnh giấy thu giữ tại nhà Nguyễn Văn T1 là ma túy loại heroine, không xác định được khối lượng chất ma túy”.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2025/HS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực x - Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1, 4 Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tổ tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Kiều T, Nguyễn Văn Đ và Ngô Văn C phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: + Lê Kiều T 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/12/2024 (ngày tạm giữ).

+ Nguyễn Văn Đ 07 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/12/2024 (ngày tạm giữ).

+ Ngô Văn C 07 năm 05 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 06/12/2024 (ngày tạm giữ).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/9/2025 bị cáo Ngô Văn C kháng cáo với nội dung: xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người thân bị cáo Ngô Văn C xuất trình thêm các tài liệu, gồm: giấy chứng nhận ông Ngô C1 (bố bị cáo) được thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba, bà Nguyễn Thị L (mẹ bị cáo) được thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất; văn bản của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Đ ghi nhận và cảm ơn đối với Ngô Văn C đã ủng hộ 2.000.000 đồng hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở năm 2024; đơn xin xác nhận về việc Ngô Văn C đã có hành vi giúp đỡ người bị tai nạn giao thông, gọi xe đưa nạn nhân đến bệnh viện cấp cứu.

Tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người thân bị cáo Ngô Văn C xuất trình thêm các tài liệu, chứng cứ nêu trên. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo. Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 04(bốn) tháng đến 05(năm) tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo Ngô Văn C làm trong hạn luật định, đơn hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét và giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung: Quá trình xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, bị cáo Ngô Văn C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã tóm tắt nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 05/12/2024, T và Đ bàn bạc rủ nhau góp tiền mua ma túy heroine để sử dụng. Đ góp 100.000 đồng đưa cho T, nhưng T nói không có tiền vì vậy không đủ tiền mua ma túy. Sau đó Đ và T rủ C góp thêm tiền mua ma

túy để cùng nhau sử dụng. C đồng ý và nói đưa tiền cho C để C đi mua ma túy thì T đưa cho C 100.000 đồng Đ đã đưa cho T trước đó. C cầm 100.000 đồng rồi đưa lại cho T 30.000 đồng để T đi mua xi lanh và nước cất sử dụng ma túy. Còn C gọi điện thoại cho T để mua 01 gói ma túy heroine với số tiền 500.000 đồng, sau đó đến điểm hẹn để nhận ma túy. Sau khi mua được ma túy, xi lanh và nước cất thì cả ba đi ra khu vực H (phía sau Thư viện tỉnh Thanh Hóa) để sử dụng ma túy. Tại đây, T đưa cho C 01 xi lanh và 02 lọ nước cất. C bóc gói heroine và đổ vào trong ống xi lanh rồi pha với nước cất. Trong lúc C pha ma túy thì T đưa cho Đ 01 ống xi lanh. C pha xong ma túy rồi trực tiếp chia ma túy từ trong xi lanh của C vào trong xi lanh của T và xi lanh của Đ rồi đưa cho Đ và T. Sau đó C, T và Đ đều tự sử dụng ma túy bằng hình thức chích.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Kiều T, Nguyễn Văn Đ và Ngô Văn C về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người.

[5] Xét tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi được thực hiện với lỗi cố ý, hiện tại trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa các tội phạm về ma túy đang có chiều hướng gia tăng, đây là nguyên nhân làm mất ổn định tình hình an ninh chính trị tại địa phương và phát sinh các tội phạm khác trong xã hội. Bị cáo Ngô Văn C không phải là người khởi xướng, nhưng là người có vai trò giúp sức tích cực. Mặt khác, trước khi phạm tội, bị cáo Ngô Văn C là người có nhân thân xấu, đã từng bị Ủy ban nhân dân thành phố T ra Quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc năm 2006; Công an phường Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản năm 2006; Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thái Bình xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” năm 2021. Điều đó chứng tỏ bị cáo là người rất coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải để hoàn lương. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội để xử phạt tù đối với bị cáo Ngô Văn C là có căn cứ, mức hình phạt 07 năm 05 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[6] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Ngô Văn C:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, người thân bị cáo Ngô Văn C xuất trình thêm các tài liệu, gồm: giấy chứng nhận ông Ngô C1 (bố bị cáo) được thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Ba, bà Nguyễn Thị L (mẹ bị cáo) được thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất; văn bản của Ủy ban Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam phường Đ ghi nhận và cảm ơn đối với Ngô Văn C đã ủng hộ 2.000.000 đồng hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách, hộ còn khó khăn về nhà ở năm 2024; đơn xin xác nhận về việc bị cáo C đã có hành vi giúp đỡ người bị tai nạn giao thông, gọi xe đưa nạn nhân đến bệnh viện cấp cứu. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, do đó HĐXX phúc thẩm căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm, xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị HĐXX không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Ngô Văn C, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2025/HS-ST ngày 27/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực x - Thanh Hóa về phần hình phạt đối với bị cáo C.

Tuyên bố: bị cáo Ngô Văn C phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Ngô Văn C **07(bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 06/12/2024).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo Ngô Văn C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQ THAHS Công an tỉnh Thanh Hóa;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực x - Thanh Hóa;
- TAND khu vực x - Thanh Hóa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Bị cáo;
- Lưu: HS vụ án; Tòa HS.

Mai Nam Tiến